

Cụ rùa

Ông vừa ngâm nho nhỏ “Dưa La, húng Láng, ngổ Đàm - Cá rô đầm Sét, sâm cầm hồ Tây”, ông vừa cúi cúi trông mớ húng láng để thỉnh ông Nguyễn Tuân tới đánh chén.

Ông nghĩ lại vào hồi thất thế, ông được một người bạn rất tương đắc vờ ra dưỡng nhàn tại vùng Quảng Yên. Nhân một buổi chủ nhân chạy ra ngoài... Ở nhà một mình chả biết buồn tay buồn chân thế nào, nền nhà đất thó, ông cầm lưới thuồng đào xới. Bạn về, ông cười hề hề: “Ày, định trông một ít húng láng. Ăn uống thiếu rau cỏ, nhiều khi bực đến chết. Chén rượu nào cũng cứ nhạt phèo”.

Bỗng có tiếng gọi ời ời: “Cụ núi Tản sông Đà ơi...”. Rồi một tiếng: “Bịch”, tiếng xe bình bịch mất hút. Ông biết đó là Nguyễn Công Hoan. Cậu này có lần đến phòng đoán số Hà Lạc của ông. Ông bói cậu sẽ trở thành nhà văn có tên tuổi trong chốn làng văn. Sau cậu được nhiều người biết đến nhờ câu: “Muốn viết văn phải bịa, nhưng phải bịa trên chuyện có thật, và phải bịa như thật”. Chả bịa tạc tí nào, ít ai hay ở Hà Nội, Tản Đà rất gần gũi với Tú Mỡ. Ông Tản Đà làm bài thơ: “Gửi ông Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu”: *Tôi bác, sao mà bác tú ơi, Cùng tên, ta lại ở đôi nơi, Khóí mây non Tản tôi gây lấm, Bơ sữa thành Long bác béo hoài*. Ngược lại Tú Mỡ chịu ảnh hưởng “cái ngông” của Tản Đà, qua chiếc xe bình bịch: *Tú rùng mỡ cưỡi xe bình bịch, máy nổ vang xinh xịch chạy như bay*. Thế là cậu Nguyễn Công Hoan tới nhà ông Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu mượn xe. Vừa cưỡi xe, cậu mang cái tâm rạn của ông Tú Mỡ: *Hôm kia chơi phiếm Trung Hà, Rẽ qua bác Hiếu Tản Đà vào chơi, Tiểu đồng nói: bác vừa xuôi, Đi chơi Hà Nội chừng đôi ba ngày*. Thế nhưng thật may, cụ núi Tản sông Đà ắt là đoán số Hà Lạc nên biết trước cậu... “bịa như thật” vác xác tới. Và đèo trên xe là một... *con rùa*.

Về thân thế và sự nghiệp của ông Tản Đà, 5 tuổi ông học Tam tự kinh rình cớm nguội, nhân chi sơ sờ vú mẹ, tính bản thiện miệng muốn ăn. Năm 1909, dự kỳ thi hương ở Nam Định, nhưng trượt. Năm 1915 ông có tác phẩm đăng trên “Đông dương tạp chí”, có được tiếng vang trên văn đàn. Năm 1916, ông lấy bút danh *Tản Đà* (chữ Hán: 傘沓 1889-1939) tên ghép *núi Tản, sông Đà ở Sơn Tây*, và chọn con đường của một người viết văn, làm báo. Năm 1938, xuống dốc, ông mở lớp dạy Quốc văn hàm thụ, Hán văn diễn giảng và văn phòng đoán số Hà Lạc ở số 71, Ngã Tư Sở.



Nghe cái “bịch”, lẩn mò ra vườn, đạo vào mắt ông một con rùa. Dòm mai rùa nổi u lên hoa văn màu vàng kịch, màu nâu đất cũ kỹ, ông nhắm chừng khứa này cũng...lão rồi nên ông gọi là...cụ rùa. Ông bật rất ai đấy làm tiểu sử quên ông còn là ông lang nữa, nên dòm mai rùa, ông tặc lưỡi cái bép: Rùa có nhiều tên như kim quy, nguyên chư, quy bản. Mai rùa không độc, tính hàn, bổ âm, bổ thận tráng dương, trị di tinh...

Thế là quá đủ về rùa, ông quay vào vào nhà để cụ rùa ngoài vườn...bắt muỗi.

Mấy hôm sau nắng đỏ lửa, mở cửa vườn cho bớt nóng...Ông ới thằng Lai đem hỏa lò để lên bàn nướng món ốc nhồi bằng vỏ sò để đánh chén. Bỗng không cụ rùa ngoài vườn làm như...nghe thấy mùi ốc nướng thơm điếc mũi. Cụ lò dò bò vào nhà nằm dưới chân ông. Có đĩa lạc rang trên bàn, ông dóng dứ trước mặt cụ rùa mấy hạt. Ông hỏi thằng Lai: “Rùa ăn gì Lai?”. Thằng Lai cười lúng lẳng: “Rùa ăn đủ thứ như đế, sâu gạo, côn trùng. Nhưng rùa không nhai được lạc rang vì rùa không có...răng”. Thằng Lai vẫn hai dài một: “Rùa không có tai nên không biết...nghe, ông đợi nó thò cổ ra và nhìn kỹ bên trái, bên phải cổ của nó sẽ thấy rằng *sau đôi mắt có hai thứ trông giống như màng dính. Đây là tai của rùa*. Thằng Lai lấy ngón nuôi dài: “Rùa thở ở...hậu môn”.

Đang búi bún đến tao đoạn lẳng nhặng về rùa này, vừa lúc thằng Lai thu dọn bát đĩa làm đổ cút để trắng. Ông mặt chú ụ dòm xuống chân. Cấu vào mắt ông, cụ rùa có cái mặt rất chúng sinh đang lè lưỡi nhóp nhép chút rượu trắng...

Nghe hơi nồi chõ nhà ông có rùa *tửu lạc* vong bản với...lạc rang. Tuần sau ông Vũ Bằng, ông Nguyễn Tuân rủ nhau tới nhà ông.

Ông Vũ Bằng thì ông biết tổng hải ông lắm. Chuyện là:

"...ông Tản Đà, thấy tôi (*Vũ Bằng*) vào, cứ ngồi ì ra không thềm đứng dậy. Một lúc lâu, mới nhìn tôi một hồi như thể nhìn thằng ăn cắp, rồi "à" một tiếng và bảo tôi ngồi xuống. Thì ra ông ta đang say. Ông ta uống một tộp, khà một cái, gắp một miếng, hơ tay vào lò than rồi...ngồi rung đùi ngâm, với một giọng khê thuốc lào:

Vèo trông lá rụng đầy sân - Tóc tơ ngắn ngủi có ngần ấy thôi

Rồi ông day cái mặt tròn, đỏ như trái bồ quân, trên cằm một cái mũi tròn xoe, ông nhe răng ra nói một cách đồng dục:

- À, ông Bằng, ông có thấy không? Chữ "*vèo*" ấy có cho mấy khuyen son cũng chưa đủ! "*Vèo trông lá rụng*", hay lắm chớ, hay lắm chớ.

(trích hồi ký *Bốn mươi năm nói láo* của Vũ Bằng)

Ông Nguyễn Tuân vừa vào đã vồn vã: "Cố nhân lai". Cái mừng rỡ này xiết bao thành thực. Đúng vậy, mấy hôm nay rồi, thượng điền tích thủy hạ điền khan, hiểu vụng là ông đang khát rượu, thì gặp ông Nguyễn Tuân đến. Vừa nhìn cụ rùa, ông Nguyễn đưa bàn tay cắt cổ làm như...cắt cổ vịt. Mắt ông Nguyễn tròn dẫu hỏi? Ông chuỗi sau cau trước: Tôi ăn ngay nói thật với khoa đầu số Hà Lạc lý số, sách bói toán số mệnh, tương truyền của Trần Đoàn làm ra, thì tôi trên thông thiên văn dưới thuộc lòng địa lý nhưng...đoán mu rùa tôi chịu. Tuy nhiên là thầy bói như tôi thì ăn thịt rùa...sui lắm. Như năm ngoái uống rượu, ăn thịt rùa với ông Trương Tửu, ngó xuống đường có...đám tang đi qua. Thế là tháng sau *An Nam tạp chí* bị đóng cửa.

Làm như không nghe, ông *Vang bóng một thời* ba điều bốn chuyện món rùa hầm thuốc Bắc: nào là thịt rùa rửa sạch, thái miếng, cho vào nồi cùng đồ trọng, đẳng sâm với ngũ vị tử, nước vừa đủ, thêm chút gia vị, gừng, hành, rượu, muối. Bỏ rùa cùng túi thuốc vào nồi, đun to lửa cho sôi sau vặn nhỏ lửa hầm cho thịt rùa chín là được.

Được quá chứ, cảm khái quá lắm, ông ngâm nga: *Phong lưu chẳng thiếu đâu đâu - Nước non đưa đón khắp hầu gần xa*. Ông nhắc lại chuyện Nam du năm ngoái thăm Long Xuyên mà sau này ông ghi lại trong bài "Thú ăn chơi": *Long Xuyên chén mắm, Nghệ An chén cà*. Ngày ấy ông được vợ chồng ông Cai Tổng và cô con gái đãi một món đại yến. Ông thấy trên mâm đồng để đầy khế chua, rau sống, gừng lát, chuỗi chát, ớt nguyên trái, nhất là...giá sống, đất Bắc mình không có. Thịt ba rọi luộc chín xắt ra từng miếng, bánh trắng, và một đĩa to đựng món mắm nổi tiếng của vùng Long Xuyên – Châu Đốc. Sơi xong đĩa mắm, trong bài: "Thú ăn chơi", tôi dòm dỏ cô con gái con ông bà Cai Tổng và âm ỉ: *Còn trời, còn nước, còn non - Tiền trình vạn lý, anh còn chơi xa*.

Nghe thủng xong chuyện Long Xuyên, ông *Thương nhớ Mười Hai* len chân vào chuyện: Ở Cần Thơ có món rùa rang muối ngon nhất trần đời. Muốn ăn rùa trước tiên phải lựa rùa yếm vàng. Rùa có yếm vàng đậm ngon hơn rùa có yếm màu nhạt tai tái thường ốm, thịt dai hơn. Người ta nói rùa vàng mập tròn trịa thuộc loại dày cơm, còn rùa nấp mình dẹp, gọi là mỏng cơm. Rùa rang muối phải dùng nồi đất để một lớp dày muối hột. Đợi muối trong nồi nở hết, rang (rán) thêm mười phút chắc chắn rùa thật chín mới nhắc xuống. Có rất nhiều giống rùa đó là rùa núi, rùa biển, rùa đồng, rùa vàng, rùa nấp, rùa đen và dòng họ rùa rất đa dạng : ba ba, vịt, cua đĩnh, cang đước, đồi mồi...

Không như *Thương nhớ Mười Hai*, ông Vũ Bằng..."tả cảnh" rùa nhiều quá, nên ông Tản Đà ngủ gà ngủ gật hồi nào không hay. Chỉ biết cụ rùa làm như vênh tai lên nghe.

Ông Tản Đà trong *Giấc mộng con*, lời tựa ông bộc bạch: “Mộng con mình tỉnh, cho nên biết là mộng, mộng nhón mình chưa tỉnh, cho nên chưa biết là mộng. Cũng là mộng cả, người đời *chép sử*, chép chuyện, chép ký, chép hành trạng, thời mình cũng nên chép. Nay đã tỉnh cái mộng con thời chép lấy, còn cái mộng nhón, đợi lúc tỉnh rồi sau sẽ hay”. Ông đang mộng...chép sử thì...thì bỗng có ai vỗ vai, trong giấc mơ ông nhận ra ấy là cụ Ưc Trai Nguyễn Trãi. Cụ nói ông muốn hỏi chuyện gì thì hỏi đi. Ông lấp bắp về nghi án lịch sử vua Lê Thái Tổ trả gươm cho rùa ở Hồ Gươm. Cụ kỳ cổ:

“...Theo bản *Lam Sơn thực lục* do chính Lê Thái Tổ viết và *Nguyễn Trãi toàn tập* do Ta ghi: Lê Thận ở Mục Sơn (*Thanh Hóa*), làm nghề đánh cá, một hôm *quăng lưới kéo lên được một lưỡi kiếm*. Lê Lợi đánh đổi được lưỡi kiếm này. Một hôm khác Lê Lợi bắt được một chuỗi kiếm ở gốc cây đa. Lấp lưỡi kiếm vào chuỗi thì thấy vừa khít. Lê Lợi nghĩ rằng trời đã trao cho mình kiếm thần, từ đó mới nuôi ý khởi binh. Trong chính sử *chưa thấy văn bản nào nói Lê Lợi có mặt tại Đông Đô* (Thăng Long) *trước ngày khởi nghĩa*. Khởi nghĩa Lam Sơn bắt đầu năm 1418, Lê Lợi và nghĩa quân của đang gặp nhiều khó khăn ở vùng Lam Sơn. *Lê Lợi hay vua Lê Thái Tổ không thể có mặt ở bờ hồ Thăng Long để nhận kiếm thần được...*”.

Cụ Tế Văn Hầu Nguyễn Trãi ngấm cụ rùa dưới sàn một hồi lâu rồi cười cục cục như gà trống vì thấy cụ rùa...không có tai và ậm ừ với ông: “Anh nghe rõ chưa. Anh...tai rùa”. Nói rồi, cụ và thằng Lai lụi đụi bê cụ rùa lên bàn, cho cụ rùa soi rau. Cụ vạy vọ với thằng Lạc, người làm của ông: “Rùa có tính Phật”. Cụ lụng bụng tiếp: “Cho Phật ăn thịt là thiên bất đạo, địa bất chi, là *trên trời dưới đất chã biết quái gì sất*”. Tiếp đến, cụ Tế Văn Hầu lòi trong cặp quần ra cút rượu làng Vân, rót tồ tồ ra đĩa. Thế là cụ rùa ực thỏa mái và nhòm cụ ra điều cụ mới đúng là Bụt, vì món khoái khẩu của rùa là ăn lá...dâm bụt.

Cụ quay sang ông Tản Đà và nói muốn hỏi gì nữa đi, Ta sắp thăng đây. Ông bèn vấn cụ giai thoại Lê Quý Đôn bị Nguyễn Trãi quở trách của Phạm Đình Hồ:

“...Đời Lê Hiển Tông, triều đình sai làm lại sổ sách đất đai của dân. Nhân thế, cũng muốn *rút bớt ân trạch với những khai quốc công thần* thưở trước. Khi xem đến đạo sắc ban cho Nguyễn Trãi, quan Bạng nhân Lê Quý Đôn liền xé đi và nói:

- Đây là loạn thần tặc tử còn giữ đạo sắc làm gì?

(ý là ông Nguyễn Trãi và bà Nguyễn Thị Lộ giết vua, sau bị tru di tam tộc)

Tối đến, trong cơn mơ thấy có hai người lính lệ đến bắt dẫn tới công đường. Trên điện cao, có vị quan đang ngồi, lính giải Lê Quý Đôn vào, bắt quỳ dưới thềm.

Vị quan ngồi trên sập quát lớn:

- Ta là Tế văn hầu Nguyễn Trãi đây. Người chỉ là kẻ tiểu sinh, sao dám xúc phạm đến các bậc khai quốc công thần. Tội người đáng chết, không thể tha thứ.

Mắng ông Bạng nhân một hơi xong. Tế văn hầu mới nguôi giận, nói rằng:

- Công danh sự nghiệp, Ta không thêm sánh với người. Ta vẫn biết người thường tự kiêu là tay giáp bạng. Vậy, người hãy về đọc lại bài *Bình Ngô đại cáo* của Ta. Nếu người viết được hay hơn thì được quyền xét đạo sắc của Ta, không Ta bắt lỗi.

Khi tỉnh dậy Bạng nhân Lê Quý Đôn vội viết trả đạo sắc như cũ. Các công thần khai quốc khác cũng nhờ vậy cũng không bị rút bớt ân trạch...”.

Ông Tản Đà nghe xuôi rớt rồi, cụ lụng bụng : “Vậ chứ anh nghe chuyện vô nhân bất tri, nôm là *không ai không biết* này chưa”. Không đợi trả lời, cụ dễ dàng:

Sau khi anh gánh thơ lên bán chợ trời trong tập thơ *Còn chơ...*thì hậu sinh, hậu bối nát bàn *Bình Ngô đại cáo* của Ta. Trước hết là hậu sinh sử gia Phạm Cao Dương:

Ai đã gọi Việt Nam là một nước văn hiến? Câu “Duy ngã Đại Việt chi quốc thực vi văn hiến chi bang” mà học giả Trần Trọng Kim, trong *Việt Nam Sử Lược* dịch là: “*Nước Việt ta từ trước vốn xưng văn hiến đã lâu*”. Câu này nằm trong phần đầu của bài Bình Ngô Đại Cáo của Ta. Toàn bộ bài cáo kể trên được coi như một bản hùng văn hiếm có trong văn học, đồng thời cũng là một

bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của Ta sau bài Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư” thời nhà Lý, hồi Lý Thường Kiệt phá quân nhà Tống.

Câu hỏi được đặt ra là căn cứ vào đâu người sau lại có thể khẳng định như vậy? Để trả lời câu hỏi kể trên, người ta có thể mở các sách cổ của người Việt soạn thảo trước đó như Việt Điện U Linh Tập, Lĩnh Nam Chích Quái, An Nam Chí Lược, Việt Sử Lược để xem hai chữ văn hiến có được dùng để chỉ dân tộc ta và đất nước ta hay không. **Câu trả lời là không.** (theo sử gia Phạm Cao Dương)

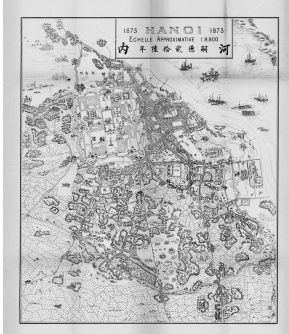
Sau đó vua nhà Minh còn tặng bốn chữ Văn Hiến Chi Bang và thăng địa vị cho sứ thần Đại Việt lên trên sứ thần Triều Tiên ba cấp. Đồng thời khi sứ thần ta ra về, vua nhà Minh lại sai Ngưu Lược mang sắc và ấn vàng sang phong thưởng cho vua ta. Lời ghi của Lý Tử Tấn kể trên cho ta thấy rõ nguồn gốc của hai chữ văn hiến mà Nguyễn Trãi đã dùng trong Bình Ngô Đại Cáo và sau này người Việt thường dùng khi nói tới văn minh, văn hóa, phong tục, tập quán nói riêng và dân tộc mình nói chung. Nó không phải là tự người Việt ta đặt ra cho mình để tự tôn xưng mình mà là **do vua nhà Minh tặng.**

Trong khi ấy ông Tân Đà cứ năng nhặt chặt bị với vua Lê Thái Tổ trả gươm cho rùa. Bèn hỏi. Nghe rồi, cụ nhìn ông bằng nửa con mắt rùa nên ngôn giả bất tri nghĩa Nôm *người nói nhiều là người không biết gì hết.* Vì vậy ông không biết chuyện này:

“...Có một tác gia trích dẫn các sách *Sơn cư tạp thuật, Tang thương ngẫu lục, Đại Nam nhất thống chí, Hà thành kim tích khảo* để giải thích rằng : "Vua Lê trả kiếm" chỉ là truyền thuyết chứ không phải lịch sử. Và chẳng, tình tiết vua Lê trả kiếm **chỉ xuất hiện sớm nhất ở đầu thế kỉ XX** trong *Quốc văn giáo khoa thư ...*”

Rồi cụ dõng dả vì ông đa thư loạn mục, là *đọc nhiều quá đâm rối mắt* nên không nhìn thấy huyền thoại vua Lê trả kiếm để có tên hồ Hoàn Kiếm gốc tích từ *Quốc văn giáo khoa thư* ở lớp năm, đồng ầu.

Ông ngẫm nguội tên hồ Hoàn Kiếm chỉ xuất hiện sớm nhất ở đầu thế kỉ XX, quả tình như cụ dậy, ông tri kỳ nhất bất nhi kỳ nhị Nôm là *biết một mà không biết hai* thật. Vì với sử thi vạn khổ thiên lao thì Thăng Long thời vua Lê chúa Trịnh: Vua quan hay ra hồ câu cá như Lã Vọng nên hồ có tên hồ Tả Vọng.



Tuy nhiên góp nhóp vào thời Pháp: Cầu yếu ớt mỏng manh, P.Bourde gọi là “cây cầu làm để cho loài dê đi hơn là cho những bàn chân nặng nề của người Âu”. Chỉ đến năm 1887, nó mới được thay bằng cầu Thê Húc, dáng cong và sơn đỏ. Trên mặt hồ, hàng ngày “các phụ nữ ra đấy, lội xuống nước tận đầu gối, hay ngồi xõm trên các tấm ván cầu ao cách hồ vài bước để rửa rau vo gạo hoặc bát đĩa...”.

(bản đồ Hà Nội do Phạm Đình Bách vẽ năm 1873)

Bản đồ do Phạm Đình Bách vẽ có tỷ lệ 1:12500. Kèm theo bản đồ là bảng chú giải bằng tiếng Pháp ghi đầy đủ Hà Nội với 15 cửa ô, hồ Tây và hồ Bảy Mẫu **có chim sâm cầm.** Riêng cái hồ nhỏ như cái ao vào thời vua Lê chúa Trịnh giữa thành phố Hà Nội, Phạm Đình Bách làm việc dưới quyền V. Leclanger, không hiểu lý sự gì V. Leclanger gọi là Le Lac de l'Épée restituée mà Phạm Đình Bách chú thích là hồ...Hoàn Kiếm. Thời Lê Trịnh đến thế kỷ 19 vì bị hoang phế nên hồ giống cái ao lớn, hay cái đầm. Chung quanh eo sèo dăm mái nhà tranh vách đất trên một vạt đất được gọi là đất...”Chó ỉa”.



Năm 1884 hồ Hoàn Kiếm được người Pháp nới rộng và trồng cây phượng vĩ, cây lộc vừng, cây mỗ, cây gạo quanh hồ như ngày nay. Năm 1886 kiến trúc sư người Pháp Maispel Disnel thiết kế một ngọn tháp kết hợp phong cách kiến trúc châu Âu với hàng cửa gothic hai tầng dưới nhưng phần mái cong giữ quy thức kiến trúc cổ Việt Nam. Bình đồ tháp **hình chữ nhật có 4 tầng** (tầng dưới trong hình bị khuất nên không nhìn thấy). Hai mặt phía đông và tây

có 3 cửa. Phía nam và bắc có 2 cửa nhọn ở đầu. Đỉnh 2 tầng có lan can chạy xung quanh. Bốn đầu đao đắp uốn cong dần lên vào giữa đỉnh. Nhưng không hiểu lý do gì, chỉ ít lâu sau tháp này bị phá bỏ và dựng tháp rùa khác.



Năm 1890 họ đặt trên tháp rùa mới bức tượng Nữ thần Tự Do cao 3 mét. Bức tượng này được gọi là “Bà đầm xòe”, ngự trên tháp rùa 6 năm, từ năm 1890 đến 1896.

Qua văn học sử: Hà Nội thời Lê Trịnh có hai hồ: Hữu Vọng và Tả Vọng cách nhau khá xa. Người Pháp cho lấp hồ Hữu Vọng, giữ lại hồ Tả Vọng và đặt tên là...hồ Hoàn Kiếm.

Tiếp đến cụ dùng đỉnh như chính trôi song với thấy người ăn khoai cũng vác mai đi đào. Cụ vất qua hậu bối là nhà biên khảo Nguyễn Đăng Thục:

Vấn đề dân tộc Việt Nam có “bốn ngàn năm văn hiến” như các nhà văn hóa hiện nay đưa ra khiến nhiều người thắc mắc, không biết hai chữ “văn hiến” có ý nghĩa gì.

Nguyễn Trãi khi giúp Lê Lợi đánh đuổi quân Minh, xây dựng lại nền độc lập nước nhà tuyên cáo với quốc dân:

Dựng ngã Việt chí quốc
Thực vi văn hiến chi bang
(...)

Việt, Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triệu tạo ngã quốc
Dữ Hán, Đường, Tống, Nguyên nhi các đế nhất phương

Nghĩa là:

Thử xét nước nhà Đại Việt
Vốn thật một nước văn hiến
(...)

Từ Triệu, Đinh, Lý Trần dựng nên nước ta
Với Hán, Đường, Tống, Nguyên ai nấy làm chúa một phương

Đây là Nguyễn Trãi chỉ muốn cổ võ cho tinh thần quốc gia dân tộc mà cũng chỉ dám kể từ nhà Triệu, tự xưng là Nam Việt vương đóng đô ở Phiên ngung ngày nay là Quảng Châu tỉnh Quảng Đông vào năm 237 trước T.C. Tính đến năm 1973 thì *mới được 1980 năm*. Như vậy thì lấy đâu ra 4.000 năm văn hiến? Nói đến văn hiến là ngụ ý có *văn chương và người hiền tài*, có công trình xây dựng cho đất nước. Nay nói “Bốn ngàn năm văn hiến” có nghĩa là *bốn ngàn năm trước Việt Nam đã có văn thư và người hiền, vậy thì lấy gì làm chứng cứ?*

Quang gánh trở lại với *Giác mộng con* của Tân Đà đăng lần đầu trên *Đông Pháp thời báo*, Sài Gòn, 1927:

“...Chỗ cụ Nguyễn Trãi ở rất là thâm nghiêm. Mình mới tới cửa, xưng danh, anh gác cửa không cho vào, nói là: Cụ ít khi có tiếp khách. Sau phải bảo anh rằng:
- Tôi là người nước ở hạ giới, không mấy khi lên tới đây. Bác cứ vào bẩm giúp, chắc thế nào Cụ cũng tiếp tôi.

Anh ta có vẻ bất đắc dĩ mà vào, một lát trở ra, thòi quả nhiên Cụ cho gọi.

Theo anh canh cửa vào, thấy đưa thẳng ra vườn hoa phía sau, nói rằng Cụ đang ngồi đợi. Mình thấy Cụ bắt hai tay ra đằng sau, đương đi bách bộ, vẻ mặt coi thật là buồn rầu mà như ý trầm tư lắm, mình đến giáp trước mặt Cụ, cúi đầu chấp tay chào.

- Anh Hiếu, tôi đương buồn, anh đến chơi cũng hay.

Sau đó, Cụ sai lấy bàn ghế và rượu ra uống. Mình từ tạ không dám ngồi.

Cụ cầm ve rượu rót cho mình và nói rằng:

- Cái này, tôi cũng không uống được mấy, nhưng *buồn quá thì mượn nó để tiêu sầu*. Anh uống được, cứ uống.

Uống một hai chén rượu, không thấy Cụ nói chuyện gì, sắc mặt Cụ thì chỉ thấy cứ như thể buồn rầu nghĩ ngợi.

- Bẩm như Cụ, công nghiệp như thế mà cái cảnh ngộ về sau không ra sao; *người nước ta sau này đọc sử đến chỗ đó*, ai cũng phải lấy làm buồn.

- Cái cảm giác của người đọc sử về tôi thế nào thời tôi không biết, còn như tôi buồn về *bà Nguyễn Thị Lộ vì tôi mà chịu cái nạn oan khiên*...Còn một chuyện buồn nữa, tôi không tiện kể anh nghe..”

Ông Tản Đà nghe từ tai lỗ chui qua lỗ miệng: “VẬY chứ giai thoại bán chiếu gon có thật không, thưa cụ”. Cụ từ từ như ông Từ vào đèn qua ông Ngô Không nào đấy viết trong *Mây giăng giăng vườn vãi* năm 2004 :

“...qua sách *Lịch triều hiến chương loại chí* (Tập 1, tr. 233), Phan Huy Chú chép:

Ông (Nguyễn Trãi) lúc nhỏ đi đường gặp bà (Nguyễn Thị Lộ) ở Vũ Lăng, là một xã ở huyện Tiền Hải, Thái Bình. Trong khi bà Nguyễn Thị Lộ quê ở làng Hải Triều, tức làng Hới ở huyện Hưng Hà, Thái Bình. Bà Nguyễn Thị Lộ gánh chiếu từ Hải Triều tới Vũ Lăng...gần hơn là gánh chiếu từ Thái Bình lên Thăng Long...”

Trong khi ấy, cụ rùa dòm cụ ngúc ngắc đầu, cụ gật đầu: “Này anh tai rùa nghe cho rõ nhá”. Nhá nhem rồi cụ bòn mót *Bài thơ gheo Thị Lộ* không phải là của Ta.

Xong, tay ôm cụ rùa, tay cầm cút rượu làng Vân cụ bay về trời. Như đã viết trong *Giác mộng con*, trên trời buồn lắm, ngồi ngoài vườn uống rượu, cụ không có người...đối ẩm.

Thạch trúc thảo lư

Giáp Thìn 2024

Ngô Không Phí Ngọc Hùng

Nguồn: Nguyễn Dư, Phan Huy Lê, Võ Thu Tịnh, Trần Quang Đức